

Số: 166 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 21 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư; lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 68/QĐ-BNNMT ngày 10/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 106/QĐ-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 55/TTr-SNNMT ngày 19/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư;

lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường như sau:

1. Công bố 02 danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

2. Sửa đổi, bổ sung 13 danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư, trong đó: cấp tỉnh: 10 TTHC; cấp xã: 03 TTHC tại số thứ tự 1, 2, 9, 12, 13 Phần A; số thứ tự 2, 3 Phần C, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 14/05/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường; số thứ tự 2, 6, 9 Phần A; số thứ tự 1, 2, 3 Phần B, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Sửa đổi, bổ sung 01 danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y tại số thứ tự 4, Mục II, Phần A, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 14/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(Có Phụ lục I, II ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, Tr.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Hậu



Phụ lục I

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

(Ban hành kèm theo Quyết định số 166 /QĐ-UBND ngày 21 / 01 / 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng Mã TTHC: 1.004680	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ trong trường hợp cần kiểm tra thực tế về tính chính xác của thông tin trong sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng,	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 88/2025/TTBNNMT hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

		sinh sản và trồng cấy nhân tạo.				
2	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên Mã TTHC: 1.004656	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bru chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 88/2025/TTBNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.



Phụ lục II

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh Thủy sản và Kiểm ngư;

lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Đã ban hành kèm theo Quyết định số 166 /QĐ-UBND ngày 21 / 01 / 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
A	CẤP TỈNH					
I	LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ: 08 TTHC					
1	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế) Mã TTHC: 1.003851	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; -Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

						<i>hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.</i>
2	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) Mã TTHC: 1.004923	- Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét,	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; -Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Điểm a, điểm c, khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - <i>Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của</i>

		quyết định: 33 ngày làm việc.				<i>Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.</i>
3	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) Mã TTHC: 1.004921	- Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Khoản 9 Điều 10 Luật Thủy sản; Điểm a, điểm c, khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 21, Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - <i>Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.</i>

		vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.				
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản Mã TTHC: 1.003650	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15; - <i>Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật;</i>

						<i>đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ 12 thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.</i>
5	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phụ vụ nuôi trồng thủy sản Mã TTHC: 1.003634	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15; - Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ

						nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.
6	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản Mã TTHC: 1.003586	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15; - Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ

						nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.
7	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản Mã TTHC: 1.003681	- Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế: 01 ngày làm việc; - Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ: 03 ngày làm việc; - Đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ: 01 ngày làm việc; - Đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt: 30 ngày kể từ ngày tàu bị chìm đắm;	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bru chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15; - Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ

		- Đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy: 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản về việc tàu cá đã bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy (bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý hoặc văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao				<i>nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.</i>
--	--	---	--	--	--	---

		Việt Nam ở nước ngoài); - Đối với tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin				
8	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần Mã TTHC: 1.004929	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15; - <i>Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật;</i>

						<i>đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.</i>
II LĨNH VỰC THÚ Y: 01 TTHC						
9	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh Mã TTHC: 1.002338	- Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT- BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ	- Luật Thú y 2015; - Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ

		chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu. - Đối với động vật xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục			phí trong công tác thú y. - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	phí trong công tác thú y; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - <i>Thông tư số 01/2026/TT-BNNPTNT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.</i>
--	--	---	--	--	--	---

		XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu - Đối với sản phẩm động vật				
--	--	---	--	--	--	--

		xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: sản phẩm động vật không có biểu hiện bất thường về đặc tính đặc trưng của sản phẩm; kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu; phương tiện vận chuyển và việc				
--	--	---	--	--	--	--

		tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu - Đối với sản phẩm động vật đã được lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh đã được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc cơ sở không phải thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y định kỳ theo quy định của pháp luật về thú y: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch				
--	--	--	--	--	--	--

		động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: sản phẩm động vật không có biểu hiện bất thường về đặc tính của sản phẩm; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu.				
B	CẤP XÃ					
	LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU: 03 TTHC					
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) Mã TTHC:1.003956	-Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 02 ngày làm	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số

		việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; -Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.				điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - <i>Thông tư số 88/2025/TTBNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.</i>
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) Mã TTHC: 1.004498	- Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí,	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bru chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản; Điểm b, khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - <i>Thông tư số 88/2025/TTBNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về</i>

		ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; - Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.				<i>bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.</i>
3	Công bố mở cảng cá loại III Mã TTHC: 1.004478	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15,

						đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15; - Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.
C	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CƠ QUAN KHÁC THỰC HIỆN: 02 TTHC					
1	Thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10	Trực tiếp tại Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố.	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	Theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa

	Mã TTHC:1.003590	ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.			02/11/2021 của Bộ Tài chính	đổi, bổ sung một số điều theo 146/2025/QH15; - Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khâu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.
2	Chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản Mã TTHC: 1.003563	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá thống nhất thời	Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố.	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Bưu chính công ích.	Theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số

		gian và địa điểm kiểm tra với tổ chức, cá nhân đề nghị; trường hợp kết quả đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra, cơ sở đăng kiểm tàu cá cấp cho chủ tàu các Biên bản kiểm tra kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04o.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.				điều theo 146/2025/QH15; - <i>Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.</i>
--	--	---	--	--	--	--

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.